

Số: /2017/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2017

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác
Hệ thống thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 02 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số/TTr-STTTT ngày tháng năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Công TTĐT tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VP: CVP và các Phó CVP;
- Lưu: VT, DL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dự thảo

QUY ĐỊNH

**Về xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác
Hệ thống thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2017/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định trách nhiệm, quyền hạn trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì và khai thác Hệ thống thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Hệ thống thông tin tỉnh) trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin của tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là CBCCVC) đang công tác trong các cơ quan, đơn vị nêu tại Khoản 1 Điều này;

3. Các tổ chức, doanh nghiệp, công dân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống thông tin của tỉnh gồm:

a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm hệ thống;

b) Phần mềm ứng dụng;

c) Cơ sở dữ liệu;

d) Các quy chuẩn, quy định để vận hành và quản lý hệ thống.

2. Hệ thống thông tin của ngành/ lĩnh vực phục vụ trong một ngành, lĩnh vực nhất định là thành phần cấu thành hệ thống thông tin tỉnh.

3. Giao diện trình diễn là tổng hợp các thông tin được phép cung cấp trên môi trường Internet phục vụ cho xã hội.

4. Giao diện tương tác là tổng hợp các thông tin, chức năng nhằm mục đích thu thập thông tin từ xã hội phục vụ cho việc quản lý và cung ứng dịch vụ công của cơ quan nhà nước được cung cấp trên môi trường Internet.

5. Giao diện tác nghiệp là tổng hợp các thông tin, chức năng xử lý công việc trên môi trường mạng của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.

6. Giao diện thống kê giám sát là tổng hợp các số liệu được phân tích nhằm phục vụ công việc tổng hợp, thống kê và giám sát các hệ thống thông tin.

7. Nguồn dữ liệu hình thành từ quá trình tương tác của công dân, tổ chức là nguồn dữ liệu thông tin cá nhân, các giấy tờ liên quan của công dân, tổ chức được số hóa truyền đến cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước thông qua giao diện tương tác.

8. Nguồn dữ liệu hình thành từ quá trình giải quyết thủ tục hành chính là các kết quả, quyết định hành chính được số hóa triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo tính pháp lý của cơ quan nhà nước.

9. Nguồn dữ liệu hình thành từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành là nguồn dữ liệu hình thành trong quá trình tiến hành nghiệp vụ quản lý nhà nước của các cơ quan nhà nước được cập nhật và được xác thực bởi cơ quan nhà nước quản lý lĩnh vực đó.

10. Nguồn dữ liệu hình thành từ cơ sở dữ liệu quốc gia là việc khai thác, sử dụng lại nguyên trạng các thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia được công bố thông qua Kiến trúc Chính quyền điện tử.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống thông tin

1. Hệ thống thông tin phải được xây dựng và quản lý thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin.

2. Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm lưu trữ tập trung tại Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử - Sở Thông tin và Truyền thông phục vụ kịp thời cho công tác quản lý nhà nước; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm tính an toàn, bảo mật.

3. Các thông tin, dữ liệu được thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng thường xuyên; đảm bảo tính chính xác, trung thực và khách quan.

4. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phải đảm bảo đúng mục đích, tuân thủ các quy định của pháp luật.

5. Cơ sở dữ liệu khi xây dựng mới phải kết nối được với hệ thống thông tin của tỉnh, cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan; được kết nối liên thông giữa tỉnh với cấp huyện, giữa cấp huyện với cấp xã.

6. Khuyến nghị các hệ thống thông tin khác của các ngành/ lĩnh vực cần kết nối được với Hệ thống thông tin của tỉnh.

Điều 5. Đầu tư cho việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và duy trì hệ thống thông tin tỉnh

1. Việc đầu tư xây dựng hệ thống thông tin tỉnh được sử dụng từ các nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn vay, nguồn vốn hỗ trợ phát triển không chính thức (ODA) và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý và duy trì hoạt động hệ thống thông tin tỉnh được sử dụng từ nguồn ngân sách cấp hàng năm, nguồn vốn vay, nguồn vốn hỗ trợ phát triển không chính thức (ODA) và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc vận hành khai thác hệ thống thông tin tỉnh được sử dụng từ nguồn ngân sách cấp hàng năm, nguồn thu từ hoạt động khai thác hệ thống thông tin các nguồn khác theo quy định.

4. Công khai chủ trương, kế hoạch triển khai; nội dung, quy mô, nguồn vốn đầu tư và cơ quan phối hợp triển khai các hệ thống thông tin.

5. Phối hợp đồng bộ các nội dung về đầu tư, quy mô và thời gian triển khai giữa các hệ thống thông tin, tránh đầu tư trùng lặp.

Chương II

XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN

Điều 6. Hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm hệ thống

1. Việc xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo trên nguyên tắc tập trung, dùng chung.

2. Các đơn vị có đầu tư hạ tầng cần thống nhất phương án tích hợp vào hệ thống của tỉnh đặt tại Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử - Sở Thông tin và Truyền thông

3. Đảm bảo phần mềm hệ thống phục vụ vận hành hệ thống máy chủ phải có bản quyền.

Điều 7. Xây dựng ứng dụng

1. Giao diện trình diễn

a) Căn cứ vào nhu cầu thông tin cho công dân, doanh nghiệp, công chức, viên chức mà đơn vị xây dựng hệ thống thông tin tiến hành quy định công khai. Thông tin được cung cấp phải đảm bảo được tính phát huy hiệu quả của hệ thống thông tin được xây dựng.

b) Những loại hình yêu cầu phải công khai, minh bạch thông tin, đơn vị cung xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo toàn diện thông tin được công khai căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành.

2. Giao diện tương tác

a) Đơn vị xây dựng hệ thống thông tin dựa vào tính chất, nhu cầu của các nhóm đối tượng để trình bày và cung cấp các chức năng, công cụ phục vụ tương tác của công dân, tổ chức, CBCCVC.

b) Giao diện tương tác phải đáp ứng theo các quy chuẩn được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, đặc biệt tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn về an toàn thông tin mạng.

3. Giao diện tác nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức

a) Giao diện tác nghiệp phải được thiết kế trên cơ sở kết quả khảo sát nghiệp vụ thực tiễn các cơ quan nhà nước.

b) Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu ban hành chuẩn giao diện áp dụng chung cho toàn tỉnh.

4. Giao diện thống kê, giám sát

Giao diện phải đảm bảo các chức năng cơ bản như thống kê, giám sát được trình bày theo từng nhóm loại và mức độ khác nhau tùy vào chức năng nhiệm vụ được giao của CBCCVC

5. Giao diện tương tác, trình diễn

Trình bày tại các cổng, trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các phường, xã, thị trấn và Hệ thống thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế. Thông tin được liên thông tích hợp thống nhất trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 8. Xây dựng dữ liệu

1. Xác định nguồn dữ liệu.

a) Cơ sở dữ liệu được xây dựng mới cần xác định rõ nguồn dữ liệu đầu vào từ các nguồn được quy định tại Khoản 7,8,9,10 tại Điều 3 Quy định này.

b) Sau khi xác định nguồn cần mô tả phương pháp kỹ thuật để thu thập, khai thác thông tin từ các nguồn đó căn cứ vào các quy định hiện hành.

2. Xác định các lớp (nhóm) và trường dữ liệu.

a) Cơ sở dữ liệu cần quy định rõ các lớp dữ liệu cần thu thập quản lý và đảm bảo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị xây dựng hệ thống thông tin.

b) Mỗi lớp dữ liệu phải xác định rõ các trường dữ liệu cần thu thập và được mô tả chi tiết bằng tài liệu kỹ thuật căn cứ vào quy chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Lập danh mục cơ sở dữ liệu và danh mục trường dữ liệu cần khai thác

a) Cơ sở dữ liệu phải xác định rõ nội dung có sử dụng và khai thác dữ liệu dùng chung với hệ thống thông tin khác.

b) Việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu khác cần mô tả cụ thể số lượng trường thông tin cần khai thác và phương pháp khai thác thông tin.

4. Dữ liệu công khai với cộng đồng

a) Căn cứ vào mục đích xây dựng của cơ sở dữ liệu mà đơn vị chủ trì xây dựng quy định danh sách các trường dữ liệu được công khai qua môi trường Internet thông qua giao diện trình diễn.

b) Căn cứ vào nhu cầu của cơ sở dữ liệu, đơn vị chủ trì xây dựng phương án thu thập thông tin từ môi trường Internet thông qua giao diện tương tác.

5. Dữ liệu chia sẻ

a) Khi xây dựng cơ sở dữ liệu, các cơ quan chủ quản có trách nhiệm ban hành danh mục lớp (nhóm) và trường thông tin được công bố chia sẻ cho các hệ thống thông tin khác khai thác.

b) Việc khai thác phải đảm bảo tính toàn vẹn thông tin. Các trường hợp thay đổi làm sai lệch so với nội dung được chia sẻ đều trái với quy định này.

6. Dữ liệu phục vụ hợp UBND tỉnh

Đối với các hệ thống thông tin có tính chất quản lý quy hoạch cần xây dựng các công cụ phân tích, tổng hợp số liệu nhằm phục vụ cho các cuộc họp của UBND tỉnh.

7. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu cho hệ thống thông tin phải tuân thủ các quy định, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

8. Nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu cho hệ thống thông tin bao gồm việc khảo sát, thu thập, cập nhật, xử lý thông tin, lưu trữ, bảo quản theo quy định.

Điều 9. Xây dựng các quy chuẩn, quy định để vận hành và quản lý hệ thống

Khi xây dựng hệ thống thông tin, cơ quan chủ quản phải xây dựng các văn bản quy định cụ thể các nội dung thực hiện bao gồm:

1. Quyền hạn và trách nhiệm của bộ phận, nhân sự vận hành hệ thống thông tin.

2. Thời gian và quy trình cập nhật thông tin bao gồm cả thông tin mới và thông tin biến động.

3. Quy định xử phạt cụ thể đối với việc vi phạm việc cập nhật thông tin.

4. Nguồn kinh phí cho hoạt động cập nhật dữ liệu hoặc phân công trách nhiệm thường xuyên.

Điều 10. Thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu

1. Việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật.

2. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác và kịp thời.

3. Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập thông tin, dữ liệu phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì đơn vị được giao chủ trì việc thu thập dữ liệu phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Các hình thức thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu:

a) Từ các báo cáo định kỳ và đột xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định;

b) Từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

c) Từ dữ liệu sẵn có;

d) Từ số liệu điều tra, khảo sát;

đ) Hình thức khác.

5. Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử có trách nhiệm tiếp nhận các thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp để tích hợp vào cơ sở dữ liệu.

6. Định kỳ hàng quý, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm báo cáo tình hình cập nhật cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị lên UBND tỉnh.

Điều 11. Xử lý thông tin, dữ liệu

1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm xử lý thông tin, dữ liệu trước khi được tích hợp và lưu trữ vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin của tỉnh để đảm bảo tính hợp lý, thống nhất. Nội dung xử lý thông tin, dữ liệu gồm:

a) Kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ quy định, quy trình trong việc thu thập thông tin, dữ liệu;

b) Kiểm tra, đánh giá về cơ sở pháp lý, mức độ tin cậy của thông tin, dữ liệu;

c) Tổng hợp, sắp xếp, phân loại thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung quy định.

2. Đối với các thông tin, dữ liệu được cập nhật từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành đó có trách nhiệm đảm bảo về tính chính xác của thông tin, dữ liệu.

Điều 12. Lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu

1. Thông tin, dữ liệu phải được số hóa, lưu trữ và bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định chuyên ngành để đảm bảo an toàn, thuận tiện trong việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin.

2. Cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm quản lý cơ sở dữ liệu phải có kế hoạch thực hiện số hóa những dữ liệu chưa ở dạng số; phải có các biện pháp quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin để bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu số.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN

Điều 13. Quản lý Hệ thống thông tin

1. Đối với Sở Thông tin và Truyền thông (trực tiếp là Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử) quản lý Hệ thống thông tin theo quy định sau đây:

a) Xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và của tỉnh;

b) Tích hợp kết quả khảo sát và các dữ liệu, thông tin có liên quan do các sở, ban, ngành, địa phương các cấp, các cơ quan có liên quan cung cấp;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc xây dựng, quản lý, cập nhật và khai thác hệ thống thông tin;

d) Xây dựng và ban hành quy định về phân quyền truy cập vào hệ thống thông tin; quản lý việc kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu với cơ sở dữ liệu của các sở, ngành, địa phương các cấp;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định kỹ thuật, tích hợp liên thông các phần mềm có liên quan lên Hệ thống thông tin.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống thông tin tại địa phương.

3. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập kế hoạch xây dựng hệ thống thông tin ngành, lĩnh vực mình quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Tổ chức việc xây dựng, quản lý, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu của ngành mình quản lý.

4. Cơ quan quản lý Hệ thống thông tin được phép giao hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện năng lực đảm nhận thực hiện một số nội dung trong việc xây dựng, khai thác hệ thống thông tin, bao gồm:

a) Điều tra, khảo sát để xây dựng cơ sở dữ liệu;

b) Vận hành và cung cấp dịch vụ hệ thống hạ tầng kỹ thuật liên quan mạng kết nối;

c) Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng từ cơ sở dữ liệu theo quy định nhà nước;

d) Xây dựng, cung cấp các phần mềm ứng dụng phục vụ quản lý, vận hành và khai thác.

Điều 14. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu

1. Việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thông qua các hình thức:

a) Mạng Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng WAN của tỉnh;

b) Hệ thống thông tin điện tử do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu cung cấp;

c) Dịch vụ tin nhắn;

d) Phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu;

đ) Hợp đồng khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật;

e) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu phải trả phí và chi phí cung cấp dữ liệu, trừ các dữ liệu phục vụ cơ quan đảng và nhà nước và dữ liệu cho phép được công bố rộng rãi cho cộng đồng.

Điều 15. Phí và chi phí cung cấp dữ liệu

1. Phí và chi phí cung cấp dữ liệu bao gồm:

a) Phí khai thác và sử dụng dữ liệu;

b) Chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu;

c) Chi phí gửi tài liệu (nếu có);

d) Các chi phí khác phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể mức thu phí và chi phí cung cấp dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin.

Điều 16. Khai thác dữ liệu trên Hệ thống thông tin thông qua mạng Internet, mạng WAN, dịch vụ tin nhắn

1. Tổ chức, công dân được khai thác dữ liệu trên Hệ thống thông tin thông qua mạng Internet những thông tin phổ biến theo quy định của pháp luật được công khai.

2. Tổ chức, công dân phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, khai thác dữ liệu từ Hệ thống thông tin của tỉnh.

3. Tổ chức, công dân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm:

a) Truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp;

b) Khai thác dữ liệu trong phạm vi được cấp, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, không xâm nhập trái phép dữ liệu khác;

c) Quản lý nội dung các dữ liệu đã khai thác, không được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác trừ trường hợp đã được thỏa thuận, cho phép bằng văn bản của cơ quan cung cấp dữ liệu;

d) Không được thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ dữ liệu; không được tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống thông tin; thông báo kịp thời cho cơ quan cung cấp dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

4. Cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm:

a) Bảo đảm cho tổ chức, công dân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm;

b) Bảo đảm khuôn dạng dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định để dễ dàng tải xuống, hiển thị nhanh chóng và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến;

c) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân truy cập hệ thống thông tin;

d) Bảo đảm tính chính xác, thống nhất về nội dung, cập nhật thường xuyên và kịp thời của dữ liệu trong hệ thống thông tin;

đ) Quy định rõ thời hạn tồn tại trực tuyến của từng loại thông tin;

e) Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Trường hợp tạm ngừng cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên mạng để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin; nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự cố ngay sau khi hệ thống thông tin bị lỗi trong quá trình hoạt động làm ảnh hưởng nghiêm trọng hoặc gây ngừng cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng.

Điều 17. Khai thác dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu nộp phiếu yêu cầu hoặc gửi văn bản yêu cầu cho các cơ quan cung cấp dữ liệu.

2. Khi nhận được phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan cung cấp dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác dữ liệu. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Việc khai thác dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 18. Khai thác dữ liệu bằng hình thức hợp đồng

Đối với các trường hợp khai thác dữ liệu cần phải tổng hợp, xử lý trước khi cung cấp cho tổ chức, cá nhân thì phải thực hiện bằng hình thức hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự giữa cơ quan cung cấp dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu.

Điều 19. Trình tự, thủ tục cung cấp dữ liệu

1. Việc nộp văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

a) Nộp trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu;

b) Gửi qua đường công văn, fax, bưu điện;

c) Gửi qua thư điện tử qua hộp thư điện tử công cụ của cơ quan quản lý dữ liệu hoặc qua Cổng dịch vụ công.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu tiếp nhận, xử lý và thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời cho tổ chức, cá nhân biết.

3. Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính, cơ quan cung cấp dữ liệu thực hiện cung cấp dữ liệu theo yêu cầu.

4. Thời hạn cung cấp dữ liệu thực hiện theo quy định sau:

a) Trường hợp nhận được yêu cầu trước 15 giờ trong ngày làm việc thì phải cung cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ trong ngày làm việc thì cung cấp dữ liệu được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo;

b) Trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu dưới hình thức tổng hợp thông tin hoặc dữ liệu liên quan đến nhiều ngành thì thời hạn cung cấp dữ liệu được xác định theo thỏa thuận giữa cơ quan cung cấp dữ liệu và người có yêu cầu bằng hình thức hợp đồng.

Điều 20. Cơ quan cấp phát dữ liệu

1. Cơ quan cấp phát dữ liệu là Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử - Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Cơ quan cấp phát dữ liệu được thực hiện thu phí, chi phí cung cấp dữ liệu và các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Những trường hợp không cung cấp dữ liệu

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu có nội dung không đúng quy định; yêu cầu cung cấp loại dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

2. Văn bản yêu cầu không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận đối với tổ chức; phiếu yêu cầu không có chữ ký, tên và địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu.

3. Mục đích sử dụng dữ liệu không phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 22. Chia sẻ dữ liệu giữa các sở, ban, ngành, địa phương

Việc chia sẻ, cung cấp dữ liệu trên các hệ thống thông tin được thực hiện theo quy định sau:

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan có liên quan có trách nhiệm cung cấp kết quả và các dữ liệu, thông tin có liên quan cho Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử - Sở Thông tin và Truyền thông để cập nhật, liên thông vào cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin.

2. Các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu, cơ quan được chia sẻ dữ liệu có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nghiệp vụ - kỹ thuật cần thiết bảo đảm sự chia sẻ dữ liệu an toàn, chính xác, kịp thời.

Điều 23. Công bố thông tin, cơ sở dữ liệu

1. Thông tin được cho phép công bố trên Internet, trang thông tin điện tử của các cơ quan trung ương và địa phương nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ công bố thông tin được công bố trên Internet trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các ngành.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương chịu trách nhiệm về nội dung thông tin được công bố.

Điều 24. Bảo đảm an toàn dữ liệu

1. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin phải có các biện pháp quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng theo các quy định sau:

a) Bảo đảm tính sẵn sàng, ổn định và hoạt động hiệu quả của các thiết bị lưu trữ thông tin như ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa từ và các phương tiện điện tử khác;

b) Số liệu cần đảm bảo an toàn theo đúng các nguyên tắc, định dạng các hệ cơ sở dữ liệu, tránh làm hỏng cấu trúc và nội dung dữ liệu;

c) Bảo đảm an toàn thông tin, chống truy cập trái phép và chống thất thoát thông tin từ hệ thống thông tin bằng hệ thống tường lửa, phần mềm chống vi rút.

2. Hệ thống thông tin phải có hệ thống dự phòng để bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục trong điều kiện có sự cố về thiên tai, hỏa hoạn và các sự cố khác. Việc xây dựng hệ thống dự phòng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.

3. Cơ sở dữ liệu phải được sao lưu vào các thiết bị lưu trữ dữ liệu để lưu theo định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng năm nhằm phòng tránh trường hợp sai hỏng, mất dữ liệu trong quá trình quản lý, sử dụng.

4. Dữ liệu sao lưu hàng tuần phải được lưu giữ tối thiểu trong 03 tháng; sao lưu hàng tháng phải được lưu giữ tối thiểu trong 01 năm; sao lưu hàng năm phải được lưu giữ vĩnh viễn và dữ liệu sao lưu được lưu trữ ít nhất tại hai địa điểm.

Điều 25. Chế độ bảo mật dữ liệu

1. Việc in, sao, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu, lưu trữ, bảo quản, cung cấp dữ liệu và các hoạt động khác có liên quan đến dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, phát hiện những vấn đề không an toàn bảo mật dữ liệu để kịp thời xử lý.

3. Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu được cấp quyền truy cập và cập nhật trong từng phạm vi dữ liệu cho phép, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ đối với quyền truy cập, cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống thông tin.
2. Trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân các nội dung cung cấp, thu thập thông tin, dữ liệu, xây dựng các chỉ tiêu thống kê và công bố các thông tin theo ngành, lĩnh vực.
3. Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu; cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
4. Định kỳ công bố các thông tin cơ bản trong cơ sở dữ liệu của tỉnh theo quy định.

Điều 27. Trách nhiệm của Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử

1. Chịu trách nhiệm quản trị và vận hành Hệ thống thông tin tỉnh theo mô hình tập trung.
2. Tích hợp dữ liệu, liên thông các hệ thống thông tin, các phần mềm ứng dụng của các ngành/ đơn vị vào hệ thống thông tin tỉnh.
3. Cấp phát dữ liệu cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân khi có nhu cầu.
4. Cấp quyền cho cá nhân/ tổ chức có nhu cầu khai thác dữ liệu trên Hệ thống thông tin tỉnh qua môi trường mạng Internet/WAN/ tin nhắn.
5. Thu phí dịch vụ liên quan đến cung cấp dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, các đơn vị cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về thu thập, cập nhật các thông tin liên quan đến lĩnh vực trong phạm vi chức năng quản lý của mình; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Quy định này.
2. Chịu trách nhiệm quản trị hệ thống thông tin của ngành/ đơn vị mình;
3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc kết nối, tích hợp thông tin từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, hệ thống thông tin có liên quan đến lĩnh vực do mình quản lý đến hệ thống thông tin của tỉnh; đảm bảo cho việc duy trì, kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ sở dữ liệu của tỉnh.

3. Chịu trách nhiệm về số lượng và chất lượng dữ liệu, thông tin trên hệ thống thông tin của ngành mình trước UBND tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm bố trí nguồn vốn để đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin.

5. Sở Tài chính bố trí kinh phí phục vụ cho việc quản lý và khai thác hệ thống thông tin; xây dựng, quản lý khai thác dữ liệu của các hệ thống thông tin ngành, lĩnh vực, hệ thống thông tin của tỉnh; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của tỉnh.

Điều 29. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Có trách nhiệm tổ chức, phối hợp thực hiện xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác hệ thống thông tin tại địa phương. Cụ thể:

a) Xây dựng, cập nhật, duy trì và quản lý hệ thống thông tin địa phương;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thu thập các thông tin liên quan; tiếp nhận các thông tin liên quan do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp;

c) Lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin của địa phương trong kế hoạch, nhiệm vụ của mình và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

d) Bố trí bộ máy và cán bộ để khai thác hiệu quả hệ thống thông tin.

2. Ban hành quy chế phối hợp và chỉ đạo các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu của địa phương.

3. Xây dựng phương án khai thác, cập nhật, chia sẻ, sử dụng và tích hợp với hệ thống thông tin của tỉnh.

4. Chịu trách nhiệm về số lượng và chất lượng dữ liệu, thông tin trên hệ thống thông tin của địa phương mình trước UBND tỉnh.

5. Bố trí ngân sách hàng năm cho việc điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu và duy trì, quản lý hệ thống thông tin tại địa phương.

Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng, cập nhật, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

a) Tuân thủ các quy định trong việc thu thập, cập nhật, xử lý, xây dựng cơ sở dữ liệu;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan quản lý hệ thống thông tin theo quy định đúng thời hạn;

c) Không được lợi dụng việc cung cấp thông tin để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các thông tin trái với các quy định của pháp luật;

d) Tuân thủ các nguyên tắc về xây dựng và sử dụng thông tin, dữ liệu;

đ) Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng trừ trường hợp được cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có thẩm quyền cho phép;

e) Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền:

a) Được từ chối yêu cầu về cung cấp thông tin, dữ liệu nếu trái với quy định của Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Được quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin của mình.

Điều 31. Các hành vi bị cấm và xử lý vi phạm

1. Các hành vi bị cấm:

a) Cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ, không đúng thời hạn;

b) Làm sai lệch, hư hỏng, thất thoát thông tin, dữ liệu;

c) Chiếm giữ, tiêu hủy trái phép, làm hư hại thông tin, dữ liệu;

d) Khai thác, sử dụng thông tin trái với quy định của pháp luật;

đ) Cản trở việc khai thác, sử dụng thông tin theo quy định.

2. Xử lý vi phạm

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Khoản 1 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì thực hiện các nội dung theo quy định này;

b) Có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện Quy định này.

2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, cơ quan thuộc UBND tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, hướng dẫn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH